

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét ý kiến của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lúa gạo Việt Nam được tổng hợp tại Công văn số 1878/STNMT-QLMT ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 09 tháng 5 năm 2023 kèm theo;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống, tại Cụm công nghiệp Thương mại – Dịch vụ Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 038 ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lúa gạo Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 482/TTr-STNMT ngày 11 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lúa gạo Việt Nam, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Thương mại – Dịch vụ Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Cụm công nghiệp Thương mại - Dịch vụ Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư, mã số dự án: 7407342160, đăng ký chứng nhận lần đầu ngày 13/9/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 25/02/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 1402133347.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến hạt giống và chế biến nông sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 50.003,7 m². Trong đó, diện tích đất xây dựng 25.973,7 m², diện tích đất giao thông 12.088,2 m², diện tích đất cây xanh 11.941,8 m².

- Công suất của dự án:

+ Chế biến hạt giống (giống lúa): 30.000 tấn thành phẩm/năm;

+ Chế biến nông sản (chế biến gạo): 100.000 tấn thành phẩm/năm.

- Công nghệ sản xuất của cơ sở: 01 công nghệ chế biến hạt giống (giống lúa) và 01 công nghệ chế biến nông sản (chế biến gạo):

+ Quy trình công nghệ chế biến hạt giống: Nguyên liệu (giống lúa) → Sào sơ bộ → Sấy (lò đốt) → Sào phân loại → Đóng gói → Sản phẩm/bảo quản.

+ Quy trình công nghệ chế biến nông sản: Nguyên liệu lúa hạt → Tháy sấy → Máy bóc vỏ → Sàng cám xay → Máy tách trấu lần 1 → Rê tròn tách trấu lần 2 → Máy tách thóc → Sàng đá → Máy xát trắng → Cối trắng → Máy đánh bóng → Sàng đảo → Trông phân hạt → Trông tách hạt lép → Thùng chứa → Máy tách màu → Cân thành phẩm → Máy đánh bóng → Trông phân hạt → Cân Thành phẩm → Gạo thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường (nội dung kèm theo Phụ lục 1).

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường (nội dung kèm theo Phụ lục 2).

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường (nội dung kèm theo Phụ lục 3).

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nội dung kèm theo Phụ lục 4).

2.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường (nội dung kèm theo Phụ lục 5).

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lúa gạo Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lúa gạo Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 14 tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân thành huyện Tháp Mười và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Khoa học và Công nghệ; Công Thương; Xây dựng; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/ĐTQH.lgy(11 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép số 837/GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại nhà văn phòng.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà bếp tại nhà ăn.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại nhà nghỉ cán bộ.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại bến lên hàng.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của dự án là 6,62 m³/ngày, Trong đó, lưu lượng xả thải tối đa của dự án đề nghị cấp phép là 07 m³/ngày đêm (theo công suất thiết kế của 02 mô đun xử lý nước thải), chi tiết như sau:

- Nguồn số 01: 0,35 m³/ngày;
- Nguồn số 02: 1,0 m³/ngày;
- Nguồn số 03: 1,0 m³/ngày;
- Nguồn số 04: 1,5 m³/ngày;
- Nguồn số 05: 1,0 m³/ngày;
- Nguồn số 06: 1,5 m³/ngày;
- Nguồn số 07: 0,27 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh neo đậu ghe tàu tại Cụm công nghiệp Thương mại - Dịch vụ Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Vị trí xả nước thải

- Xả tại Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và chế biến nông sản tại Cụm công nghiệp Thương mại – Dịch vụ Trường Xuân, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp 02 điểm xả thải.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°):

+ Điểm xả số 1: X = 1178262; Y = 584298;

+ Điểm xả số 2: X = 1178374; Y = 584306.

2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 07 m³/ngày đêm, tương đương 0,29 m³/giờ.

2.3.1 Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức, xả ven bờ theo cống uPVC D200 mm ra ven kênh neo đậu ghe tàu.

2.3.2 Chế độ xả nước thải: Xả liên tục hàng ngày (24 giờ).

2.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải

Nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K = 1,2 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 – 10,8	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3600		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp, bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh được đưa vào bể thu gom đi vào hệ thống xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Dự án có 02 mô đun xử lý nước thải với tổng công suất: 07 m³/ngày đêm, như sau:

+ Mô đun xử lý nước thải số 01 có công suất 2,0 m³ /ngày đêm thu gom, xử lý nước thải từ nhà vệ sinh văn phòng, nhà ăn và nhà nghỉ cán bộ.

+ Mô đun xử lý nước thải số 02 có công suất 5,0 m³ /ngày đêm thu gom, xử lý nước thải từ nhà vệ sinh nhà xưởng sản xuất.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ màng lọc MBR.

- Quy trình xử lý: Nước thải (nhà bếp, bồn rửa tay và nước thải sau bể tự hoại) → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể MBR → Khử trùng bằng Ozone → Kênh neo đậu ghe tàu → Kênh Đồng Tiến.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

Để hạn chế xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Nguồn điện đảm bảo ổn định để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên.

- Kiểm tra máy bơm thường xuyên, đảm bảo máy bơm luôn hoạt động tốt.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và thực hiện tốt công tác quan trắc nước thải định kỳ.

- Kiểm tra thường xuyên điều kiện thiếu khí, hiếu khí trong các bể.

- Trang bị máy bơm, máy thổi khí dự phòng để sử dụng thay thế khi phát hiện các sự cố hư hỏng thiết bị.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hư hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư:

+ Đối với các máy bơm: Bố trí các máy dự phòng để sử dụng khi có sự cố.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm

sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành không đúng cách:

+ Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải, đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Đối với trường hợp mô đun xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng: Tích trữ nước thải trong hồ thu gom (không bơm lên mô đun xử lý) hoặc bơm nước thải từ các mô đun xử lý vào các thùng chứa có dung tích lớn và tiến hành khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Hàng ngày, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của mô đun xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc mô đun xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường (vận hành thử nghiệm trong 01 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

02 mô đun xử lý nước thải với tổng công suất: 07 m³/ngày đêm (Mô đun xử lý nước thải số 01 có công suất 2,0 m³ /ngày đêm, Mô đun xử lý nước thải số 02 có công suất 5,0 m³ /ngày đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Mẫu nước thải đầu vào - Tại bể thu gom nước thải đầu vào của mô đun xử lý nước thải công suất 2,0 m³ /ngày đêm (1 mẫu, NT1) và mô đun công suất 5,0 m³ /ngày đêm (1 mẫu, NT2). Tọa độ vị trí lấy mẫu (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°):

+ NT1: X = 1178294; Y = 584024.

+ NT2: X = 1178376; Y = 584293.

- Mẫu nước thải đầu ra tại cống xả nước thải sau xử lý của mô đun xử lý công suất 2,0 m³ /ngày đêm (3 mẫu, NT3) và mô đun công suất 5,0 m³ /ngày đêm (3 mẫu, NT4) (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°, múi chiếu 3°):

+ Điểm xả số 1: X = 1178262; Y = 584298.

+ Điểm xả số 2: X = 1178374; Y = 584306.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2
1	pH	-	6 – 10,8
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	3.600

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án để xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K = 1,2 (đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này) xả thải ra kênh neo đậu ghe tàu sau đó thông ra kênh Đồng Tiến.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành và lưu giữ; báo cáo theo quy định.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép số 837 /GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Dự án có 01 nguồn khí thải từ hoạt động của lò đốt sậy lúa chế biến gạo; lưu lượng khí thải tối đa khoảng 20.500 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống khói phát thải của hệ thống xử lý khí thải lò đốt sậy lúa chế biến gạo (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiều 3⁰): X = 1178309; Y = 584187.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.500 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Phát tán qua ống khói với chế độ liên tục 24/24.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với hệ số K_p = 0,9, K_v = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT cột B, hệ số K _p = 0,9; K _v = 1,0	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng áp dụng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	NO _x	mg/Nm ³	765		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ lò đốt sậy lúa chế biến gạo được thu gom xử lý bằng công nghệ xử lý bụi khô bởi cyclon, với nhiên liệu đốt là trấu và khí sạch thoát lên phía trên nhờ quạt hút đẩy qua ống khói phát thải vào môi trường không khí

xung quanh. Ống khói của nguồn thải có đường kính là D400 mm và cao 17 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Thiết bị xử lý bụi, khí thải đi kèm theo lò đốt sậy lúa chế biến gạo, gồm hệ thống Cyclone, quạt hút và ống khói.

- Quy trình xử lý khí thải lò đốt sậy lúa chế biến gạo: Khí thải → Cyclon → Quạt hút → ống khói (khí sạch thoát ra môi trường qua ống khói thoát bụi, khí thải).

- Thông số kỹ thuật các thiết bị xử lý khí thải lò đốt sậy lúa chế biến gạo:

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Cyclone	- Lưu lượng khí thải: 20.500 m ³ /giờ - Khung thiết bị: Thép hình CT3 - Vỏ thiết bị: Thép tấm CT3 - Đường kính: D1.300 mm	01 cái
2	Quạt hút	- Công suất: 15 kW (20Hp) - Lưu lượng: 20.500 m ³ /giờ - Điện áp: 380 V, 50 Hz - Tốc độ vòng quay: 1.450 vòng/phút	01 cái
3	Ống khói	- Vật liệu: Inox SS304 - Đường kính: D400 mm - H = 17 m	01 cái

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$.

1.3. Hệ thống thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Để đảm bảo các thiết bị xử lý khí thải hoạt động hiệu quả, bền, cần bảo trì, bảo dưỡng đường ống, quạt hút, quạt trợ áp định kỳ.

- Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán khí thải từ các hệ thống xử lý.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

1.4.2. Phương án phòng ngừa

Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

- Phải lập tức báo cáo tổ quản lý khi có các sự cố xảy ra.
- Tiến hành giải quyết các sự cố theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2 - An toàn tài sản; 3 - An toàn công việc.
- Trường hợp sự cố nhẹ, có thể khắc phục ngay thì nhanh chóng khắc phục để hệ thống hoạt động liên tục, đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Trường hợp sự cố nặng, không thể khắc phục ngay, báo cáo tổ quản lý sản xuất để ngưng hoạt động của lò đốt và tiến hành khắc phục sửa chữa.
- Sau khi khắc phục xong, cho hệ thống hoạt động trở lại và kiểm tra vị trí sự cố đã khắc phục và chất lượng khí thải đầu ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường (vận hành thử nghiệm trong 01 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt sậy lúa chế biến gạo.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105° , múi chiếu 3°) X = 1178309; Y = 584187.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 0,9; K_v = 1,0$
1	Lưu lượng	m^3/h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	180
3	CO	mg/Nm^3	900
4	SO ₂	mg/Nm^3	450
5	NO _x	mg/Nm^3	765

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án để xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B với hệ số $K_p = 1, K_v = 1,0$ (đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này) trước khi thoát ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 837/GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực sấy lúa chế biến hạt giống tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 02: Khu vực sàng phân loại chế biến hạt giống tại nhà xưởng số 2.
- Nguồn số 03: Khu vực lò đốt sấy lúa chế biến gạo tại nhà xưởng số 3.
- Nguồn số 04: Khu vực xay xát chế biến gạo tại nhà xưởng số 3.
- Nguồn số 05: Khu vực lau bóng chế biến gạo tại nhà xưởng số 3

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh	Tọa độ theo VN 2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
1	Nguồn số 1 – Khu vực sấy lúa chế biến hạt giống tại nhà xưởng số 2	X = 1178352	Y = 584231
2	Nguồn số 2 - Khu vực sàng phân loại chế biến hạt giống tại nhà xưởng số 2	X = 1178359	Y = 584176
3	Nguồn số 3 - Khu vực lò đốt sấy lúa chế biến gạo tại nhà xưởng số 3.	X = 1178310	Y = 584245
4	Nguồn số 4 - Khu vực xay xát chế biến gạo tại nhà xưởng số 3	X = 1178300	Y = 584206
5	Nguồn số 5 - Khu vực lau bóng chế biến gạo tại nhà xưởng số 3	X = 1178291	Y = 584168

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây phòng cách âm cho phòng chứa máy phát điện, trang bị các bộ phận giảm ồn, rung và trang bị thiết bị bảo hộ lao động (chụp tai chống ồn) cho công nhân sử dụng khi vận hành máy phát điện.

- Kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

- Kiểm tra, bảo trì định kỳ: Chú ý việc bôi trơn, thay thế, sửa chữa các chi tiết hư hỏng hoặc có dấu hiệu không đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định.

- Không nổ máy trong khi chờ bốc xếp hàng hóa.

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc có độ rung cao trong dây chuyền sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**ĐỀ XUẤT NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số 837/GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6,0	NH
2	Pin, ắc quy thải	16 01 02	10	NH
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	37	NH
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt	18 02 01	15	KS
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải.	18 01 03	18	KS
6	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	6,0	KS
	Tổng		92	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Tro trấu, bụi tro	1.725.000
2	Bao bì thải bỏ	60.000
3	Pallet gãy	40.000
	Tổng	1.825.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	14,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* bố trí các thùng chứa bằng nhựa và kim loại dung tích 30 - 120 lít (2 thùng 30 lít, 3 thùng 60 lít và 1 thùng 120 lít) có dán nhãn và biển cảnh báo nguy hại theo đúng quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 05 m² được bố trí bên trong nhà xưởng số 2 nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với mặt sàn kho kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn bên ngoài vào; có mái che kín khít nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hạn chế gió trực tiếp vào bên trong. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có vách tường ngăn cách với khu vực sản xuất.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Cám, tấm được đóng bao và bán dưới dạng phụ phẩm.
- Trấu được chứa trong thùng chứa bằng thép có dung tích 800 m³.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Khu chứa tro:

+ Diện tích: 8,0 m².

+ Kết cấu khu lưu chứa: Được bố trí bên trong nhà lò đốt sấy lúa nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng bê tông cốt thép kín khít, mái lợp tôn, tường xây gạch và dựng vách tôn không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

- Nhà lắng bụi tháp sấy số 01:

+ Diện tích: 85,8 m²;

+ Kết cấu kho: Nhà lắng bụi tháp sấy số 01 được bố trí bên trong nhà xưởng số 2 nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng bê tông cốt thép kín khít, mái lợp tôn, tường xây gạch và dựng vách tôn không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

- Nhà lắng bụi tháp sấy số 02:

+ Diện tích: 140 m²;

+ Kết cấu kho: Nhà lắng bụi tháp sấy số 02 được bố trí bên trong nhà xưởng số 3 nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng bê tông cốt thép kín khít, mái lợp tôn, tường xây gạch và dựng vách tôn không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

- Nhà lắng bụi chế biến hạt giống:

+ Diện tích: 85,8 m²;

+ Kết cấu kho: Nhà lắng bụi chế biến hạt giống được bố trí bên trong nhà

xưởng số 02 nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng bê tông cốt thép kín khít, mái lợp tôn, tường xây gạch và dựng vách tôn không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

- Phòng chứa cám:

+ Diện tích: 192 m²;

+ Kết cấu kho: Nhà chứa cám được bố trí bên trong nhà xưởng số 03 nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng bê tông cốt thép kín khít, mái lợp tôn, tường xây gạch và dựng vách tôn không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, lưu chứa trong các thùng chứa loại thùng nhựa PE dung tích 30 – 240 lít t (8 thùng 30 lít, 2 thùng 60 lít, 5 thùng 240 lít).

- Thùng chứa dung tích nhỏ đặt trong nhà vệ sinh, nhà ăn. Thùng chứa dung tích lớn bố trí tại các vị trí trong khuôn viên dự án để thu gom như: bên ngoài khu vực nhà ăn, bên ngoài khu nhà bảo vệ, bên ngoài khu vực kho thành phẩm,...

2.3.2. *Kho/khu vực lưu chứa*: Cuối ngày, rác trong các thùng chứa nhỏ bên trong nhà được tập kết ra các thùng chứa dung tích lớn. Các thùng chứa rác dung tích lớn được tập kết ra vị trí phía trước vỉa hè đường nội bộ Cụm công nghiệp, cạnh cổng ra vào dự án để đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải

1.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

Để hạn chế xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải cần thực hiện các biện pháp sau:

- Nguồn điện đảm bảo ổn định để máy móc, thiết bị hoạt động liên tục và thường xuyên.

- Kiểm tra máy bơm thường xuyên, đảm bảo máy bơm luôn hoạt động tốt.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành và thực hiện tốt công tác quan trắc nước thải định kỳ.

- Kiểm tra thường xuyên điều kiện thiếu khí, hiệu khí trong các bể.

- Trang bị máy bơm, máy thổi khí dự phòng để sử dụng thay thế khi phát hiện các sự cố hư hỏng thiết bị.

1.2. Phương án ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hư hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư:

+ Đối với các máy bơm: Bố trí các máy dự phòng để sử dụng khi có sự cố.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành không đúng cách:

+ Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải, đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

- Đối với trường hợp mô đun xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng: Tích trữ nước thải trong hồ thu gom (không bơm lên mô đun xử lý) hoặc bơm nước thải từ các mô đun xử lý vào các thùng chứa có dung tích lớn và tiến hành khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Hàng ngày, tiến hành kiểm tra một số số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của mô đun xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc mô đun xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước.

2. Công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố đối với bụi, khí thải

2.1. Sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò đốt

2.1.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Để đảm bảo các thiết bị xử lý khí thải hoạt động hiệu quả, bền, cần bảo trì, bảo dưỡng đường ống, quạt hút, quạt trợ áp định kỳ.

- Công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thu gom, xử lý và phát tán khí thải từ các hệ thống xử lý.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2.1.2. *Phương án phòng ngừa:* Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp.

- Phải lập tức báo cáo tổ quản lý khi có các sự cố xảy ra.

- Tiến hành giải quyết các sự cố theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2 – An toàn tài sản; 3 - An toàn công việc.

- Trường hợp sự cố nhẹ, có thể khắc phục ngay thì nhanh chóng khắc phục để hệ thống hoạt động liên tục, đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Trường hợp sự cố nặng, không thể khắc phục ngay, báo cáo tổ quản lý sản xuất để ngưng hoạt động của lò đốt và tiến hành khắc phục sửa chữa.

- Sau khi khắc phục xong, cho hệ thống hoạt động trở lại và kiểm tra vị trí sự cố đã khắc phục và chất lượng khí thải đầu ra.

2.2. Sự cố đối với hệ thống xử lý bụi

- Đối với hệ thống xử lý bụi, vì hệ thống lọc bụi túi với nhiều đơn nguyên nên khi có sự cố hư hỏng túi vải thì vẫn có thể làm việc bình thường khi đang trong quá trình sản xuất. Khi kết thúc quá trình sản xuất, tiến hành thay đơn nguyên bị hư hỏng để đảm bảo hiệu suất thu hồi bụi triệt để.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng quạt hút để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

3.1. Sự cố cháy nổ

3.1.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa

Trang bị, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ công trình. Hệ thống phòng cháy chữa cháy bao gồm: hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường.

- Hệ thống báo cháy tự động:

+ Các đầu báo khói đặt áp suất trần, trần trệt cao 3,9 m.

+ Các dây truyền tín hiệu được luồn trong ống nhựa chống cháy đặt cách xa ống luồn dây điện hơn 0,5m, dây tín hiệu được đặt thêm dây đôi dự phòng. Điện trở dây tín hiệu không quá 10 ohm.

+ Hệ thống báo cháy dùng các nguồn dự phòng là ắc quy 12V – DC – 7Ah.

+ Trung tâm báo cháy được lắp trên tường, cao độ (+1,2) m tại nhà bảo vệ. Trung tâm báo cháy phải được tiếp đất an toàn, Rd không quá 4 Ohm và phải có chỉ thị sự cố hệ thống.

- Hệ thống chữa cháy tự động:

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler được trang bị nhằm dập tắt đám cháy kịp thời, khi có cháy nhiệt độ tăng cao làm bể đầu Sprinkler phun nước ra dập tắt đám cháy.

+ Hệ thống ống nhánh phân phối nước đến các đầu phun sprinkler sử dụng ống sắt tráng kẽm đường kính $\varnothing 76 - 42 - 34$ mm. Ống cấp nước chính là ống sắt tráng kẽm $\varnothing 114 - 90$ mm.

- Hệ thống chữa cháy vách tường:

+ Nguồn nước cấp cho hoạt động PCCC của dự án được lấy từ bể nước PCCC. Nước chữa cháy sau đó được bơm đi tới các thiết bị chữa cháy nhờ cụm bơm chữa cháy, gồm có:

+ 01 máy bơm điện $Q = 20$ lít/s và $H = 70$ m.

+ 01 máy bơm bằng động cơ đốt trong $Q = 20$ lít/s, $H = 65$ m.

Bố trí các hộp chữa cháy vách tường. Lưu lượng nước chữa cháy được tính cho 02 họng hoạt động đồng thời là $2,0 \times 2,5 = 5$ lít/s.

Áp lực đầu lăng phun phải đảm bảo khi mở 02 họng chữa cháy phải đạt $2,5$ Kg/cm²/01 lăng hoặc chiều cao cột nước phải đạt 10m tính từ đầu lăng phun. Chiều cao tính từ tâm van đến sàn nhà là 1,25 m.

Ống dẫn nối từ máy bơm là ống STK $\varnothing 90$ mm, ống dẫn nước đầu nối với ống STK $\varnothing 90$ mm đến các họng nước chữa cháy sử dụng ống STK $\varnothing 76$ mm. Các ống nhánh nối vào họng chữa cháy sử dụng ống STK $\varnothing 60$ mm.

Mỗi tủ vòi rồng chứa 01 van gạt $D60$ mm, 01 lăng phun $D13$ mm, 01 cuộn vòi $D60$ mm. Các tủ được lắp có chiều cao tâm van đến sàn là 1,25 m.

Ngoài ra dự án còn lắp các họng tiếp nước chò ngoài trời $D80$ mm (trụ chữa cháy) dành cho xe phòng cháy chữa cháy $2 \times D65$ mm.

Nguồn điện chính và máy phát điện dự phòng, cáp điện cấp nguồn cho máy bơm là cáp chống cháy hay được luồn trong ống thép tráng kẽm.

- Bình chữa cháy cầm tay, nội quy, tiêu lệnh chữa cháy:

+ Bình chữa cháy cầm tay loại 3 kg, 8 kg gồm 60 bình, bố trí tại những nơi dễ nhìn thấy, dễ tiếp cận và có nguy cơ dễ cháy.

+ Dán các nội quy và tiêu lệnh chữa cháy tại các vị trí dễ nhìn thấy như lối ra vào.

Ngoài ra, kết hợp thực hiện các biện pháp quản lý sau:

+ Giám sát chặt chẽ việc thực thi nội quy cấm hút thuốc tại nơi làm việc.

+ Phòng Cơ điện, cán bộ phụ trách môi trường và na toàn lao động thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng các thiết bị điện.

+ Thường xuyên kiểm tra tình trạng hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà máy và thực hiện chế độ tái thẩm định định kỳ theo quy định.

+ Tổ chức cấp cứu ngay người bị nạn; cứu trợ, giúp đỡ người bị thiệt hại ổn định đời sống

3.1.2. Phương án phòng ngừa

- Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan;

- Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy;

- Người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết, cho một hoặc tất cả các đơn vị sau đây:

- + Đội phòng cháy chữa cháy của Công ty;
- + Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nơi gần nhất;
- + Chính quyền địa phương sở tại hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất.

- Người có mặt tại nơi xảy cháy và có sức khỏe phải tìm mọi biện pháp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và dập cháy; người tham gia chữa cháy phải tuân theo lệnh của người chỉ huy chữa cháy;

- Trong trường hợp tại nơi xảy ra cháy, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy chưa đến mà đám cháy lan từ khu vực này sang các công trình khác hoặc cháy lan sang các công trình xung quanh và ngược lại thì người chỉ huy chữa cháy của dự án phải có trách nhiệm phối hợp chỉ huy chữa cháy.

3.2. Giảm thiểu tai nạn lao động

3.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa

- Lắp các bảng cảnh báo nguy hiểm tại những bộ phận/công đoạn tiềm ẩn rủi ro tai nạn lao động cao.

- Các phương án sửa chữa, làm việc trên cao đều phải được lập đề xuất, thông qua bộ phận an toàn lao động kiểm duyệt.

- Có đầy đủ các trang thiết bị an toàn và bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn kiến thức về an toàn lao động định kỳ hàng năm cho cán bộ - công nhân viên.

3.2.2. Phương án phòng ngừa

- Bước 1: Vô hiệu nguồn gây hại. VD: tắt động cơ, cắt nguồn điện, dỡ bỏ vận chuyển/cản/đè lên người bị nạn, v.v.

- Bước 2: Nhanh chóng đánh giá tình hình. Nếu phù hợp thì đưa người bị nạn ra khỏi vị trí gặp nạn và tiến hành sơ cứu đúng phương pháp. Nếu không phù hợp, sự cố gắng di chuyển nạn nhân có thể làm trầm trọng thêm chấn thương của nạn nhân. Trong trường hợp này, cần ở cạnh nạn nhân để trấn an họ.

- Bước 3: Liên hệ với cơ quan y tế gần nhất để được sự giúp đỡ của đội y tế chuyên nghiệp hoặc gọi 115.

- Bước 4: Hợp tác với các cơ quan chức năng để điều tra làm rõ vụ việc (nếu có).

- Bước 5: Lập và lưu trữ hồ sơ.

3.3. Sự cố rò rỉ, tràn dầu

3.3.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra thùng/bồn chứa dầu,...

- Không dự trữ dầu với khối lượng khối lớn trên các phương tiện giao thông.

- Khóa cẩn thận van an toàn của máy phát điện để tránh rò rỉ dầu và sử dụng khay chứa phụ trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng để tránh dầu nhớt chảy tràn, rò rỉ ra xung quanh.

- Khi sang chiết dầu nhớt vận kỹ nắp đậy.

- Dầu nhớt thải tại khu vực lưu chứa chất thải được chứa trong các can, thùng có nắp đậy kín. Đồng thời, trang bị thêm khay chứa phụ khi lưu giữ dầu, nhớt với khối lượng lớn để hạn chế dầu nhớt thải rò rỉ ra khu vực xung quanh.

3.3.2. Phương án phòng ngừa

- Bước 1: Cô lập khu vực tràn đổ, di dời các vật dụng lân cận ra khỏi khu vực tràn đổ.

- Bước 2: Sử dụng bảo hộ lao động nhanh chóng dùng cát để rắc lên các vùng loang hoặc giẻ lau để quây lại không cho hóa chất lan rộng.

- Bước 3: Đợi hóa chất thấm xong dùng các dụng cụ xúc lớp cát thấm hóa chất vào thùng chứa chất thải nguy hại hoặc thu gom giẻ lau dính hóa chất về kho chứa chất thải nguy hại. Đồng thời sử dụng giẻ lau tiếp tục làm sạch nền kho. Giẻ lau được thu gom, quản lý cùng với chất thải nguy hại.

3.4. Sự cố ngộ độc thực phẩm

3.4.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa

- Bộ phận chuyên trách có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng các nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho Công ty, tránh lơ là, chủ quan vì đôi khi vì yếu tố lợi nhuận, các đơn vị cung cấp dần dần giảm chất lượng hàng sau 1 thời gian dài hợp tác.

- Thường xuyên kiểm tra sự vệ sinh, sạch sẽ của khu vực bếp.

- Các nhân viên bếp đều được khám sức khỏe định kỳ và đảm bảo không mắc các bệnh truyền nhiễm.

- Thường xuyên nhắc nhở đội ngũ nhân viên nhà bếp về tầm quan trọng của công tác an toàn, vệ sinh thực phẩm.

3.4.2. Phương án phòng ngừa

- Khi phát hiện trường hợp bị ngộ độc thực phẩm, người phát hiện bình tĩnh, ngay lập tức xử lý và gọi người đến giúp.

- Xác định tình trạng của nạn nhân: còn tỉnh táo hay ngừng thở, ngừng tim.

- Tiến hành thực hiện các bước sau:

+ Làm cho nạn nhân nôn ra hết thức ăn đã ăn vào bằng cách uống đầy nước rồi móc họng.

+ Để nạn nhân nằm đầu thấp, nghiêng về một bên (phòng chất nôn sặc vào phổi).

+ Hà hơi thổi ngạt và ép tim.

+ Tuyệt đối không tiến hành gậy nôn vì như vậy sẽ rất dễ gây sặc thức ăn hoặc tắc thở.

+ Cho nạn nhân nằm nghỉ và uống dung dịch để bù và chống mất nước cho cơ thể (Dung dịch: hòa 1/2 thìa cà phê muối cộng với 4 thìa cà phê đường trong 1 lít nước).

+ Đưa nạn nhân đến bệnh viện gần nhất.

+ Mang theo thức ăn nghi ngờ gây ngộ độc, chất nôn hoặc phân để giúp bác sĩ chẩn đoán và điều trị.

3.5. Sự cố dịch bệnh

3.5.1. Biện pháp quản lý phòng ngừa

- Dán các biển báo nhắc nhở công nhân đeo khẩu trang đầy đủ;

- Trang bị khẩu trang y tế cho cán bộ, công nhân;

- Nhắc nhở công nhân rửa tay thường xuyên và đúng cách;

- Thường xuyên rửa tay đúng cách bằng xà phòng dưới vòi nước sạch, hoặc bằng dung dịch sát khuẩn có cồn (ít nhất 60% cồn);

- Bố trí các bình khử khuẩn để công nhân, cán bộ, khách hàng khử khuẩn tay trước khi vào dự án;

- Khuyến khích công nhân trang bị các bình khử khuẩn cầm tay để sử dụng khi di chuyển bên ngoài;

- Tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng. Che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi bằng khăn giấy, khăn vải, khuỷu tay áo;

- Vệ sinh nhà xưởng thường xuyên. Khu vực bên ngoài nhà cần thường xuyên vệ sinh thông thoáng;

- Yêu cầu cán bộ, công nhân nếu có dấu hiệu sốt, ho, hắt hơi và khó thở hoặc các dấu hiệu khác tùy theo từng loại dịch bệnh, hãy tự cách ly tại nhà, đeo khẩu trang và gọi cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám và điều trị;

- Yêu cầu cán bộ, công nhân tự cách ly theo dõi sức khỏe, khai báo y tế đầy đủ nếu trở về từ vùng dịch.

3.5.2. Các biện pháp ứng phó sự cố

- Khi có dịch bệnh xảy ra tại dự án, ngay lập tức khoanh vùng và liên hệ cơ sở y tế địa phương để được hỗ trợ cách ly, điều trị.

- Tiến hành phối hợp với cơ quan y tế sàng lọc và tiếp tục khoanh vùng ở mức độ hẹp nhất có thể nhằm cách ly các đối tượng theo cấp độ tiếp xúc để đảm bảo an toàn trong cách ly.

- Lên phương án sản xuất tại chỗ trong trường hợp dịch bệnh có quy mô rộng để tránh dịch bệnh lây lan từ bên ngoài vào.

- Tiến hành hỗ trợ cán bộ, công nhân trong các vấn đề chỗ ở, sinh hoạt.

3.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để vừa tạo cảnh quan vừa góp phần vào việc cải thiện điều kiện vi khí hậu trong khuôn viên dự án. Các loại cây xanh bao gồm: Cau cảnh, bông trang, cây viết, cây hoa giấy, cây xoài,... để hấp thụ bụi và giúp điều hòa vi khí hậu khu vực dự án.

- Tổng diện tích cây xanh của dự án là 11.941,8 m², đảm bảo tỷ lệ tối thiểu không nhỏ hơn 20% tổng diện tích dự án. Cây xanh được bố trí ven vỉa hè đường nội bộ. Mật độ cây xanh phân bố cao tại khu vực phía Tây Nam của dự án hướng đường ĐT844 – khu vực nhà văn phòng, nhà nghỉ cán bộ và phía nhà xưởng số 03.

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng, thiết kế hệ thống thông gió tự nhiên với các cửa ra vào và cửa sổ thích hợp để lấy gió vào và thải gió ra bên ngoài.

- Trang bị quạt cây công nghiệp tại các khu vực cần thiết.

PHỤ LỤC 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số 837/GPMT-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số $K = 1,2$; xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc đã cam kết trong nội dung Giấy phép bảo vệ môi trường. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.